

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/DS-ST

Ngày: 06-9-2017.

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Hoàng Vũ;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2017, “V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐXXST-DS ngày 28/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu A - *Sinh năm:* 1964.

Địa chỉ: 302/5 ấp LA, xã LT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Nguyễn Thị Bé H - *Sinh năm:* 1960.

Địa chỉ: 20A/1 ấp LA, xã LT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thu A trình bày:

Nguyễn Thị Bé H có tham gia hội với tư cách là hội viên do Nguyễn Thị Thu A làm chủ, hội mở ngày 19/01/2013, giá hội 5.000.000 đồng/tháng, có 18 phần Nguyễn Thị Bé H tham gia 01 phần. Nguyễn Thị Bé H hót lần thứ 04, đóng được 06 lần hội chết, ngày 19/11/2013 Nguyễn Thị Bé H đóng 3.000.000 đồng, nợ 2.000.000 đồng hội chết và 07 lần hội chết chưa đóng. Do đó Nguyễn Thị Thu A yêu cầu Nguyễn Thị Bé H trả cho Nguyễn Thị Thu A vốn hội 37.000.000 đồng, lãi không yêu cầu.

Nguyễn Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyễn Thị Thu A yêu cầu Nguyễn Thị Bé H trả cho Nguyễn Thị Thu A vốn hụi 37.000.000 đồng, lãi không yêu cầu. Còn đối với bị đơn Nguyễn Thị Bé H kể từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định mà bị đơn Nguyễn Thị Bé H vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày hoặc phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu A hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu A. Điều đó thể hiện là bị đơn Nguyễn Thị Bé H đã tự từ bỏ quyền phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu A hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu A. Ngược lại kèm theo yêu cầu thì Nguyễn Thị Thu A đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đó là biên nhận, trong biên nhận này có ghi “*Tôi là Nguyễn Thị Thu A có giao cho cô bé hai 1 chân hụi tháng 5000.000 gồm có 18 phần hốt 56.040.000 đóng mỗi tháng là 5000000 cho tới mãn nay tôi làm biên nhận giao cho cô bé hai ... người nhận (ký tên) H và ghi rõ họ, tên Nguyễn Thị Bé H*”. Do đó, xét yêu cầu của Nguyễn Thị Thu A là chính đáng, đúng pháp luật, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử cần buộc Nguyễn Thị Bé H trả cho Nguyễn Thị Thu A vốn hụi 37.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường.

[2] Nguyễn Thị Thu A không có yêu cầu gì đối với phần lãi nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Toàn bộ yêu cầu của Nguyễn Thị Thu A được Tòa án chấp nhận, nên Nguyễn Thị Bé H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 466; Điều 471 của Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường.

Tuyên xử:

1. Buộc Nguyễn Thị Bé H trả cho Nguyễn Thị Thu A vốn hui 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Nguyễn Thị Thu A mà Nguyễn Thị Bé H chậm trả 37.000.000 đồng thì hàng tháng Nguyễn Thị Bé H còn phải trả cho Nguyễn Thị Thu A thêm phần lãi, theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Án phí; Tạm ứng án phí:

3.1. Nguyễn Thị Bé H phải chịu 1.850.000 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Nguyễn Thị Bé H chưa nộp).

3.2. Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị Thu A 925.000 đồng (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 12696, ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2017). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa ngày 06/9/2017 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Minh Tùng